

Số: /GPMT-BQL

Bình Dương, ngày tháng năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP BÌNH DƯƠNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 08/2023/QĐ-UBND ngày 30 tháng 03 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương;

Căn cứ Quyết định số 428/QĐ-UBND ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương về việc ủy quyền thẩm định, phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; cấp giấy phép môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số: 01/CV ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Công ty TNHH Rega Việt Nam về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công in hoa lên các loại vải và giấy, sản xuất gia công ép hoa lên các loại vải công suất 16.000.000 mét/năm; bổ sung sản xuất, gia công ép nhãn 8.000.000 cái/năm, cán màng 4.000.000 mét/năm, cắt laser 1.000.000 cái/năm, đục lỗ 1.000.000 mét/năm, in phản quang 1.500.000 mét/năm”;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Rega Việt Nam, địa chỉ tại Lô A-14C-CN, Khu công nghiệp Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương, được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công in hoa lên các loại vải và giấy, sản xuất gia công ép hoa lên các loại vải công suất 16.000.000 mét/năm; bổ sung sản xuất, gia công ép nhãn 8.000.000 cái/năm, cán màng 4.000.000 mét/năm, cắt laser 1.000.000 cái/năm, đục lỗ 1.000.000 mét/năm, in phản quang 1.500.000 mét/năm”

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất, gia công in hoa lên các loại vải và giấy, sản xuất gia công ép hoa lên các loại vải công suất 16.000.000 mét/năm; bổ sung sản xuất, gia công ép nhãn 8.000.000 cái/năm, cán màng 4.000.000 mét/năm, cắt laser 1.000.000 cái/năm, đục lỗ 1.000.000 mét/năm, in phản quang 1.500.000 mét/năm”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A-14C-CN, Khu công nghiệp Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 6557584039 chứng nhận lần đầu ngày 17 tháng 10 năm 2019, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 07 tháng 07 năm 2023 và chứng nhận hiệu đính ngày 22 tháng 08 năm 2023 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương cấp.

1.4. Mã số thuế: 3702824081.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công in hoa lên các loại vải và giấy, sản xuất gia công ép hoa lên các loại vải; sản xuất, gia công ép nhãn, cán màng, cắt laser, đục lỗ, in phản quang.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án đầu tư:

- Dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

- Phạm vi: Dự án được triển khai tại Lô A-14C-CN, Khu công nghiệp Bàu Bàng, thị trấn Lai Uyên, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương với tổng diện tích địa điểm thực hiện dự án là 15.000 m².

- Quy mô: Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Quy mô các hạng mục công trình của dự án:

Stt	Tên hạng mục	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)	Hiện trạng
1	Nhà xưởng 1	3.920	26,1	Đã hoàn thành
2	Nhà xưởng 2	3.920	26,1	Đã hoàn thành
3	Văn phòng	520	3,5	Đã hoàn thành
4	Nhà xe + bể PCCC ngầm	150	1	Đã hoàn thành
5	Nhà bảo vệ	16	0,1	Đã hoàn thành
6	Nhà ăn	150	1	Đã hoàn thành
7	Nhà vệ sinh	60	0,4	Đã hoàn thành
7	Kho chất thải công nghiệp	36	0,24	Đã hoàn thành
8	Kho CTNH	144	0,96	Đã hoàn thành
9	Hệ thống xử lý nước thải	19,7	0,13	Đã hoàn thành
10	Đường nội bộ, cây xanh	6.064,3	40,47	Đã hoàn thành
Tổng		15.000	100	

- Quy trình công nghệ sản xuất:

+ Quy trình công nghệ in bằng máy in kỹ thuật số: Thiết kế mẫu hoa văn → Nhập mực in → Phân tích, điều chỉnh màu → Nhập liệu → Kiểm tra → In giấy → In chuyển nhiệt qua vải → Thành phẩm → Kiểm tra, đóng gói → Xuất hàng

+ Quy trình công nghệ in vải bằng máy in lụa: Nhận đơn → Thiết kế

mẫu/khuôn → Chuẩn bị màu → In thử → In hàng chính thức → Kiểm tra → Đóng gói

+ Quy trình công nghệ in vải bằng máy in UV: Nhận đơn → Kiểm tra màu/vật liệu → Chuẩn bị mực và Nhập thông tin vào phần mềm → In → Kiểm tra → Đóng gói

+ Quy trình công nghệ sản xuất gia công ép hoa: Nhập vải → Nhập cuộn hoa văn → Căn chỉnh vật liệu → Ép hoa văn → Kiểm vải, đóng gói → Thành phẩm → Xuất hàng

+ Quy trình sản xuất, gia công ép nhãn: Nhận file Artword → In mực → Phủ bột keo nóng chảy → Làm khô bằng điện trở → Ép nhãn → Thành phẩm → Xuất hàng

+ Quy trình gia công cán màng: Nhập vải → Kiểm tra đầu vào → Căn chỉnh vật liệu → Cán phủ màng → Kiểm tra cơ lý → Đóng gói → Xuất hàng

+ Quy trình gia công cắt laser: Nhận bán thành phẩm → Kiểm tra chất lượng → Kiểm tra, chuẩn bị dữ liệu → Cắt laser → Kiểm tra thành phẩm → Đóng gói → Xuất hàng

+ Quy trình gia công đục lỗ: Nhận bán thành phẩm → Kiểm tra chất lượng → Đục lỗ theo file → Kiểm tra thành phẩm → Đóng gói → Xuất hàng

+ Quy trình sản xuất in phản quang: Nhận file → Nhập vật liệu → In ấn → Kiểm tra thành phẩm → Đóng gói → Xuất hàng

- Quy mô công suất sản xuất của dự án:

Sản xuất, gia công in hoa lên các loại vải và giấy, sản xuất gia công ép hoa lên các loại vải công suất 16.000.000 mét/năm; bổ sung sản xuất, gia công ép nhãn 8.000.000 cái/năm, cán màng 4.000.000 mét/năm, cắt laser 1.000.000 cái/năm, đục lỗ 1.000.000 mét/năm, in phản quang 1.500.000 mét/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Rega Việt Nam:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.
2. Công ty TNHH Rega Việt Nam có trách nhiệm.

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm.

(từ ngày tháng năm 2024 đến ngày tháng năm 2034).

Điều 4. Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Rega Việt Nam;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Bàu Bàng;
- Cổng Thông tin điện tử Ban QL các KCN BD (đăng tải công khai);
- TB, các PTB;
- Lưu: VT, MT (L).

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**

Trương Văn Phong

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngàytháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

- Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bàu Bàng, không xả ra môi trường).

- Đã ký Biên bản thỏa thuận với Tổng Công ty đầu tư và phát triển công nghiệp – CTCP (Becamex IDC Corp) (chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng) về việc đầu nối nước thải.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có):

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh:

- Nguồn số 1: Nước thải sản xuất (Nước rửa khung in và vệ sinh thiết bị từ phòng pha mực) được thu gom về HTXLNT 10 m³/ngày của Công ty để xử lý, sau đó đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN (1 điểm trên đường D3) và được dẫn về trạm XLNT của KCN Bàu Bàng.

- Nguồn số 2: Nước thải từ quá trình sinh hoạt của công nhân (nhà vệ sinh, nước rửa tay chân) được thu gom bằng ống PVC D114-D140mm (bố trí dọc các nhà xưởng) và xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại (bể 3 ngăn) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải chung của KCN (1 điểm trên đường D3) và được dẫn về trạm XLNT của KCN Bàu Bàng.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sản xuất (Nước rửa khung in và vệ sinh thiết bị từ phòng pha mực): Nước thải sản xuất → Bể thu gom → Bể xử lý hóa chất 1 → Bể xử lý hóa chất 2 → Máy ép bùn → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bàu Bàng.

+ Công suất thiết kế: 10 m³/ngày.

+ Hóa chất, vật liệu sử dụng: PAC, NaOH, Polimer.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý nước thải sinh hoạt:

+ Nước thải từ nhà vệ sinh → Bể tự hoại → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bàu Bàng.

+ Nước thải rửa tay chân → Hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Bầu Bàng.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục (theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

* Đối với nước thải sinh hoạt:

- Cấu tạo bể tự hoại được tính toán đạt quy chuẩn kỹ thuật, đảm bảo khả năng lưu chứa, quá trình thi công đạt tiêu chuẩn thiết kế.

- Định kỳ bảo dưỡng các công trình của bể tự hoại để tránh sự cố xảy ra.

- Tiến hành nạo vét các đường tiêu thoát nước thải.

- Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút bùn từ bể tự hoại đưa đi xử lý.

- Không thải vào bể tự hoại các loại chất thải như nước mưa, nước chảy tràn bề mặt, các chất thải dạng rắn,...

* Đối với nước thải sản xuất:

- Các thiết bị đều được lắp đặt thuận tiện cho việc sửa chữa, bảo dưỡng.

- Thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy ép bùn của hệ thống đúng theo hướng dẫn vận hành của nhà cung cấp nhằm đảm bảo thiết bị này hoạt động ổn định cũng như kịp thời phát hiện để sửa chữa và thay thế khi đã bị xuống cấp.

- Lắp đặt automat với các thiết bị điện để tránh hiện tượng chập điện, cháy nổ.

- Trường hợp rò rỉ nước thải từ hệ thống XLNT tại các vách bể, các van xả, ống dẫn thì cần phải gia cố và sửa chữa ngay lập tức các vết rò rỉ. Trong trường hợp cần thiết sẽ tạm dừng hoạt động của HTXL để thuận tiện cho việc xử lý sự cố.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất.

- Định kỳ 3 tháng/lần Nhà máy kết hợp với đơn vị có chức năng tiến hành lấy mẫu, phân tích chất lượng nước thải đầu ra sau xử lý. Nếu phát hiện nước thải sau xử lý không đạt tiêu chuẩn tiếp nhận, Công ty sẽ ngưng đầu nối, đóng cửa van đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN, nhân viên kỹ thuật sẽ kiểm tra và tìm ra nguyên nhân để khắc phục sự cố.

- Nhân viên quản lý môi trường tại Nhà máy sẽ tham gia các lớp tập huấn do các cơ quan nhà nước tổ chức.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và điểm b Khoản 6 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 10 m³/ ngày.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

+ Bể thu gom tại tọa độ X= 12 24 016, Y= 60 01 81 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰)

+ Hồ ga đầu nối KCN tại tọa độ X= 12 24 004, Y= 60 01 59 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiếu 3⁰)

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Tiêu chuẩn KCN Bàu Bàng
1	pH	-	5,5-9
2	BOD5	mg/L	50
3	COD	mg/L	150
4	TSS	mg/L	100
5	Tổng N	mg/L	40
6	Tổng P	mg/L	6
7	Amoni	mg/L	10
8	Coliform	MPN/100mL	5.000
9	Độ màu	Pt-Co	150

2.3. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Bàu Bàng, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Bàu Bàng để tiếp tục xử lý trước khi xả thải ra môi trường.

3.3. Đảm bảo phương án đầu nối, đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và vệ sinh môi trường trong quá trình vận hành dự án.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngàytháng năm 2024 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

1.1. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải: Không có.

1.2. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng quan trắc khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại điểm c khoản 1, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngàytháng năm 2024 của Ban Quản lý các KCN Bình Dương)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: Khu vực các máy gia công.
- + Nguồn số 02: Khu vực hệ thống xử lý nước thải .
- + Nguồn số 03: Khu vực máy in phản quang.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Khu vực các máy gia công (X= 12 50 597, Y= 54 39 82; X= 12 50 597, Y= 54 39 63; X= 12 30 615, Y= 54 39 97)
- + Khu vực hệ thống xử lý nước thải (X= 12 42 949, Y= 59 53 84)
- + Khu vực máy in phản quang (X= 12 42 934, Y= 59 53 43)
(Hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến 105⁰45', múi chiều 3⁰).

3. Tiếng ồn, độ rung phải đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường và quy chuẩn QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

STT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Phân lập các khu vực gây ồn cao bằng các phương pháp cách ly, cách âm, không vận hành quá tải máy móc và thiết bị, luôn bảo dưỡng và thay thế định kỳ, đảm bảo tốt các điều kiện kỹ thuật làm việc của máy móc thiết bị;
- Lắp đặt đệm cao su đối với các thiết bị có công suất lớn;

- Lắp đặt thiết bị có chất lượng tốt đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật;
- Gia cố nền móng để giảm độ rung và tiếng ồn;
- Thường xuyên bảo dưỡng trang thiết bị;
- Có chế độ làm việc hợp lý đối với lao động làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn;
- Trang bị các nút bịt tai chống ồn cho lao động làm việc tại các khu vực phát sinh tiếng ồn lớn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4**YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngàytháng năm 2024 của Ban Quản lý các KCN Bình Dương)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:**1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:**

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau dính các thành phần nguy hại	18 02 01	48.824
2	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất bảo đảm rỗng hoàn toàn	18 01 02	7.211
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa	18 01 03	14.416
4	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	17 02 04	350
5	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	30
6	Keo thải	08 03 01	7.500
7	Mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 01	5.880
8	Bùn thải từ HTXLNT	12 06 05	1.230
	Tổng cộng		85.441

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy thải, ống giấy carton, vải thải, màng film thừa	627.270
2	Bao bì nilong thải	2.500
3	Khuôn in thải bằng kim loại không dính thành phần nguy hại	80
4	Pallet thải	150
	Tổng cộng	630.020

1.3. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát:

Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022.

1.4. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải sinh hoạt (hữu cơ, vô cơ,..)	42,12
	Tổng cộng	42,12

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Trang bị thùng chứa bằng kim loại riêng biệt.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho: 144 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho lưu giữ chất thải nguy hại (CTNH) có tường gạch, vách ngăn, gờ chống tràn, nền được gia cố bằng bê tông chống thấm, mái lợp tole chống nóng, cửa cuốn. Bên trong kho chứa chia ra từng khu vực để lưu chứa từng loại chất thải nguy hại phát sinh và trên mỗi khu vực có dán nhãn ghi tên cụ thể từng loại chất thải nguy hại. Bên ngoài cửa kho có biển báo nguy hiểm và các dụng cụ PCCC.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích kho: 36 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho được dán nhãn Khu vực chứa chất thải công nghiệp, có tường bao và mái che, nền gia cố bằng bê tông chống thấm.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng nhựa có nắp đậy tại các khu vực xưởng sản xuất, khu vực văn phòng, khu vực nhà ăn.

- Hằng ngày nhân viên thu gom toàn bộ rác thải sinh hoạt của nhà máy về khu vực tập trung rác sinh hoạt.

- KCN Bàu Bàng vận chuyển đem đi xử lý theo đúng quy định.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó đối với các sự cố khác theo quy định pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng

phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 phù hợp với nội dung phòng ngừa sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải đảm bảo có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022.

Phụ lục 5**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số/GPMT-BQL ngàytháng năm 2024 của Ban Quản lý các KCN Bình Dương)

1. Tuân thủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bao vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.
3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.
4. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy theo quy định hiện hành..
5. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.
6. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy nổ, đối với cán bộ, công nhân viên làm việc của dự án.
7. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.
8. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.
9. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.
10. Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật./.